NĂM THỨ NĂM Số 197 Thứ năm, 26 tháng [illegible]

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC Số 197

Góp ý kiến sửa đổi tên các phố trong tỉnh Hà-nội — *Ng. tường-Phượng*

Ly tông — *Nhạc-Tống — Khải-Minh*

Giấy bạc và Chính phủ — *Ngô-Công*

Hạnh thục ca (V) — *Nguyễn-văn-Tố*

Văn trào lộng... — *Phạm-mạnh-Phan*

Việt nam văn học sử (LXVII) — *Ưng-hòe*

Tiếp quân đồn tại tỉnh Bình-định — *Ng. Toại*

Một đoạn chuyện về mấy yếu nhân V.N.Q.D.Đ. (tiếp) — *Ngô-văn-Triện*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-văn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng

Vũ-hào-Cừ 40, phố Đông-kênh — Hải-dương

LỜI CẢM ƠN CỦA ÔNG TRẦN VĂN LAI, THỊ TRƯỞNG THÀNH PHỐ HÀ-NỘI

Nhân việc tôi có lời thành thực cảm ơn bà con các giới đã tỏ ý muốn tổ chức một cuộc đón tiếp xứng đáng, nhưng hiện thời trong nước còn nhiều việc khó khăn nên tôi có yêu cầu bà con hãy hoãn việc ấy và quây quần làm việc đừng chia đảng phái để chẳng bao lâu Hà-nội yêu qui của chúng ta sẽ to, đẹp, mạnh, giàu như kinh đô các đại cường quốc.

Chúng ta nên tiệt trừ những sự đầu cơ trộm cắp, hành khất bừa lộ, xú nịnh và hủy bỏ những di tích xấu xa mà trong quá nửa thế kỷ nay chúng ta đã phải yếm tế. Chúng ta phải sát cánh làm việc cho xứng đáng là dân Việt Nam, không hổ với tổ-tiên trong những thời oanh liệt mà cũng chẳng để di hận cho con cháu về sau

GIỚI THIỆU

Tri Tân nhận được:

— TIẾNG CHUÔNG CẢNH TỈNH của T. q. Hayên thơ giá 0$50. Thời đại xuất bản

— THANH NIÊN VỚI QUỐC VĂN của Xuân Diệu giá 3$00. Thời đại xuất bản.

— LỜI TRONG MÁU của Lê văn Trương giá 5$00

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn. T. T.

BÁO CÁO CẦN KÍP

Các bạn đọc đã nhận được giấy nhắc tiền báo, xin mua ngân phiếu gửi về tòa báo ngay cho. Cảm tạ.

Tv trị-sự TRI-TÂN

Bác sĩ Vũ ngọc Anh Bộ trưởng bộ y tế và Cứu Tế hiện đang công cán ở Bắc bộ bị nạn máy bay đã tạ thế ngày 23 tháng bảy dương lịch.

Trong dịp buồn này, bản chí xin có lời kính viếng ông Bộ trưởng Vũ ngọc Anh và chia buồn cùng nội các Trần Trọng Kim

GÓP Ý KIẾN VÀO VIỆC SỬA ĐỔI TÊN CÁC PHỐ

TRONG TỈNH HÀ-NỘI

Kể từ 13 giờ 30 phút chưa ngày 20 tháng bảy dương lịch, tức là 12 tháng Sáu năm Ất-dậu thành phố Hà-nội xưa kia là nhượng địa theo hiệp ước 1888 được hoàn-toàn thu hồi về đất nước Việt-nam ông Trần-văn-Lai đã nhậm chức thị trưởng

Đúng trước ngày lịch sử đáng ghi nhớ của đất này, chúng tôi phát biểu chút ý kiến dưới đây về công việc đặt lại tên các phố.

N. T. P.

HÀ-NỘI, cố đô Thăng Long của các đời Lý, Trần, Lê là một tỉnh thành có rất nhiều di tích về dĩ vãng liên lạc mật thiết đến lịch sử Việt Nam.

Trong bài chiếu thiên đô niên hiệu Thuận Thiên nguyên niên (1010), vua Lý thái Tổ người đã chọn nơi này để định đô có đoạn nói :

« *Phương chi thành Đại la là cố đô của Cao Vương ở vào giữa khu vực của trời đất, có thế hổ cứ long bàn, chính ngồi đông tây nam bắc, tiện thế hướng hội của núi sông, đất rộng và phẳng, cao và sáng sủa, dân cư không lo ẩm thấp muôn vật đều được giàu nhiều, khắp xem trong cõi nước ta thì ở đấy là hơn cả, thực là chỗ yếu hội tiết tấu của bốn phương, nơi thượng đô của đế vương muôn đời, ta nay muốn nhân cái địa lợi ấy để định chỗ ở vậy (1).* »

Trở về trên là « địa lợi » của tỉnh Hà nội theo như môn học địa lý nhưng ta thử sét lược qua sử sách xem Hà nội đã có những kỷ niệm gì đáng chú ý :

Sử chép : « Tháng bảy, năm Thuận Thiên nguyên niên (1010) vua Lý thái Tổ dời bỏ đất Hoa Lư mà tiến về thành Đại la.

Khi toàn thuyền ngự còn đỗ ngoài sông, đêm ấy sông Cái (tức là Nhị hà) tự nhiên nổi cơn mưa gió, sấm sét, trong nhoáng ánh chớp một con rồng vỉ dạn bay rỡn, thế rất mạnh mẽ nhưng có ý chào mừng. Nhà vua bảo tin rồng hiện cho nhân dân và đổi tên thành Đại la là Thăng Long.

Phải chăng trong thời Thái tông nhân ba vị rồng tranh ngôi của Thái Tử Phật Mã mà nhà vua xuống chiếu bắt các quan văn võ mỗi năm ra thề ở đền Đồng Cổ phường Yên Thái đó là một lễ tuyên thệ đầu tiên.

Lại khi quân Nguyên sang nước ta, giả mượn đường đánh Chiêm Thành. Vua nhà Trần giam sứ Mông cổ ở Thăng Long, khi quân Nguyên vào thành giải cứu có một vài người trong sứ bộ bị chết, giặc đã nổi giận làm ở cả dân Thăng Long.

Nào lúc dân thành Thăng Long thấy xa giá vua tôi nhà Trần đi vào Thanh hóa, tránh cái mũi nhọn của đoàn quân bách chiến, thi hành kế « dĩ dật tải lao » của Hưng Đạo Vương để khôi phục kinh thành trong trận thắng ở Chương dương mà vì tuế câu thơ : *Đoạt sáo Chương dương độ* của Thượng tướng trần quang Khải đã thành bất hủ vậy.

Nào buổi Trần mạt, dân sự chả đã được mục kích những ngu vệ của cha con Hồ quý Ly và ngay nào lũ quân Minh sang cướp của cướp sách, định thu gọn cả bản đồ Việt Nam đem sáp nhập vào nước họ nhưng cái mộng đồ bộ của nhà Minh đã bị người anh hùng đất Lam sơn, gươm ba thước một phen

1) *Nguyên văn chữ hán chép ở Đại Việt sử ký toàn thư, Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt văn tuyển — Bản dịch của Trần trọng Kim Việt nam sử lược trang 77)*

khởi nghĩa, qua giáp mười năm đem lại dư đồ, khác phục thành Đông quan (một tên của Hànội) và sau khi quét sạch kiến ong, thả một con thuyền chơi trong hồ Tả vọng, đánh rơi thanh thần kiếm, mà hồ từ đấy được tên là « Hoàn Kiếm ».

Lại đến dưới triều Lê thánh Tông, gặp lúc thái bình thịnh trị, đất Thăng Long là nơi trung tâm điểm của nền văn hóa Việt Nam: nào Quốc tử giám, Tao đàn, nào Chiêu văn quán, Tập hiền viện, rồi khoa hương, khoa hội, sĩ tử chật đường, y quan rạng rỡ, thật là thời văn hoá toàn thịnh.

Cho đến cuối Lê, họ Mạc đòm ngôi cao, Thăng Long lại thành chiến địa, trong các cuộc phiến loạn Thân duy Nhạc, Trần Tuân, Trần Cảo.

Đến Trung hưng, đánh đuổi họ Mạc, Trịnh Tùng đã khắc phục Thăng Long, sai san phẳng thành luỹ, triệt lối quật cường của Mạc mậu Hợp.

Ngày họ Trịnh chuyên quyền dân sự được mục kích những việc phế lập hành thích như thắt cổ vua Kính Tông, giết chết Thái Tử Duy Vĩ.

Nhà Trịnh bọn sầy tự trong nhà, quân Tam phủ theo lời hiệu triệu của thày đội Tiệp Bảo Nguyễn Bằng, hội họp ở Khán [illegible], nổi trống trong triều [illegible] bỏ chúa Cán lập chúa [illegible] hoa kiêu binh kéo [illegible] mã đến đời Cảnh Hưng; quân Tây Sơn ra Thăng Long [illegible] thứ nhất. Hoàng Tôn Duy Kỳ lên ngôi là vua Chiêu Thống đa đại dột cầu viện với Thanh, Tổng đốc Lưỡng quảng Tôn sĩ Nghị kéo đại binh sang, kiêu ngạo đóng ở Tây Long. Rồi đến cái ngày Bắc bình Vương vì dân, vì nước cả phá quân Thanh ở gò Đống đa dân Thăng Long cũng như non sông. Nam Việt nhờ đấy đã thoát khỏi tay kẻ hung tàn.

Hết loạn lại trị, Nguyễn triều nhất thống nam bắc, định đỉnh ở Thuận Hoá, thành Thăng Long dưới những tên Bắc Thành, rồi Hà nội vẫn còn là trấn lớn, có phen làm nơi tiếp sứ, bang giao.

Gặp khi Pháp Việt giao tranh tỉnh Hà nội lại nếm cái mùi binh hỏa, dưới gót giầy sắt, của những quân lê dương, ả rập, mạch lô, dưới cái bóng cờ úp vô cùng lợi hại của quân Hắc kỳ, những phút rùng rợn ấy lại điểm bằng hai phen thất thủ, thấp thoáng trong khoảng 10 năm: Quí dậu (1873) Tổng Thống Nguyễn tri Phương nhịn đói mà chết! Nhâm Ngọ (1882) Tổng Đốc Hoàng Diệu treo cổ tử tận!

Thời Pháp thuộc Hà nội là nơi hoạt động của Đông kinh nghĩa thục, Hồng tân Hưng, rồi Việt nam quốc dân đảng cho đến gần đây trong đêm lịch sử mồng 9 tháng ba non sông hoa cỏ Thăng Long đã được nhuốm mầu đào của bao hiệt sĩ nhật Việt, anh hùng, chí sĩ, đã hi sinh cho nền độc lập Việt Nam mà thành Hà nội trải bao thế kỷ thật đã lần lượt được thấy những sự hưng vong, bĩ thái của lịch sử.

Ôn những việc cũ, tôi muốn nhắc lại trong trí nhớ của dân tỉnh này những kỷ-niệm hoặc êm đềm hoặc đau đớn hoặc vẻ vang của một thị trấn, một cố-đô để dựa vào tinh thần lịch-sử, kỷ niệm những việc đã qua bằng cách sửa đổi tên các đường phố để những lúc chiều giời mát mẻ qua lại nơi đây, nhìn những tấm biển ghi trên các đường phố mà bồi hồi nhớ đến những giai đoạn vẻ vang của đất « Rồng hiện » này.

Thiển kiến tôi là nên ố tìm những vết tích lịch sử, những nơi đã đánh dấu một việc gì, một sự nghiệp anh hùng nào, để thành Hà-nội dù qua bao phen dâu bể mà vẫn phảng phất cái dĩ vãng của những thời oanh liệt xưa.

Trước đây, nếu tôi không nhầm, người Pháp, chiếm tỉnh làm nhượng địa đã đem tên danh-nhân của họ mà treo khắp đường phố, thậm chí cả tên những kẻ vô danh hoặc những bọn thực dân thâm độc, hội viên thành phố Việt Nam đã tỏ bầy ở vài kỳ hội đồng, vì họ thấy danh nhân Việt Nam cũng nhiều, mà bất đắc dĩ phải dùng đến nhưng lại chỉ dành riêng cho các phố nhỏ, hẻo lánh hay không mấy ai biết đến.

Đến nay, tuyên chiếu ngày mồng hai tháng năm, đức Bảo Đại đã công bố thu hồi những lãnh thổ, việc sửa đổi tên phố xét ra rất có ý nghĩa để thực hiện chủ quyền chánh phủ Việt Nam trên những lãnh thổ đã được thu lại.

Bao nhiêu biển có tên người Pháp phải bỏ hết và thay vào đấy những tên danh nhân trong lịch-sử Việt Nam, hoặc là chí sĩ, anh hùng và liệt sĩ.

Đại khái : phố cửa Bắc là nơi Tổng đốc Hoàng Diệu trống giữ và tuẫn tiết đường Carnot có thể đổi là đường Hoàng Diệu.

Cửa Nam, phố mã Nguyễn tri Lâm, theo cha lên nghênh địch bị đạn mà mất ở trận tiền đường Puginier sẽ đổi là đường Phò mã Nguyễn tri Lâm.

Đường F. Garnier nên dùng tên Nguyễn tri Phương thay vào để ghi nhớ vị liệt sĩ ngoài 70 tuổi đã hi sinh cho Tổ quốc.

Vườn hoa P. Bert trồng ra hồ Hoàn kiếm nên gọi là vườn hoa Lê Thái Tổ và thiên tượng đồng vua Lê ở bên kia hồ thay vào tượng kẻ thực-dân.

Đường Bờ sông chạy giài ta tượng lại khi xưa ngự thuyền vua Lý tới đó nên tên Lý Thái-Tổ sẽ đặt ở đấy để nhắc lại việc thiên đô là việc can hệ ủa tỉnh Hà-nội.

Đường giáp hồ Tây lên Bưởi tưởng nên đổi là đường Hai bà Trưng thế vào ái tên ngớ ngẩn « Route village du Papier

Phố hàng Bồm, xưa là Phường Thái-Hòa, nơi chôn rau cắt rốn của danh tướng Lý Thường Kiệt nên được đặt là phố Lý Thường Kiệt thì đúng hơn.

Còn khổ ở nào đẹp bằng con đường vẹn hồ Kiếm (nay là Av Beauchamp) thật là

Tùy hứng

HỒN NON NƯỚC

Trong « *Thề non nước* » của Tản-Đà, có những câu :

« *Nước non nặng một nhời thề,*
« *Nước đi, đi mãi không về cùng non...*
«... *Nghìn năm giao ước kết đôi,*
« *Non non, nước nước không người nhời thề* ».

Dưới đây là

Hồn non nước, như để tiếp-ý của Tản-Đà Nguyễn tiên-sinh :

Nặng tình luyến-ái sơn-khê,
Nước đi nước đã trở về với non.
Nước về giữa buổi cô-đơn,
Hoang-mang, non ngỡ non còn trong mơ
Nước về giữa những giòng mưa.
Nước gieo liên-lạc cõi bờ cùng non.
Nước về giữa cảnh cơ-hàn,
Nước chong gột rửa phong-trần non xanh.
Giang sơn, đèo suối lạt tình
Nước sâu chấp nối ngọn - ngành vào sông
Mai, dù đất lở trời long,
Hồn thiêng non - nước nguyện cùng thời-gian !

NHẠC THÔNG

KỶ-NIỆM THĂM ĐỀN HÙNG-VƯƠNG

Tế nhận dư đồ (1) cảnh lạ thay !
Một làn non Trọc (2) đột lên đây :
Đế vương tự thủy cùng non nước,
Miên duệ Sâm la sánh cỏ cây.
Sử chép rồng tiên nghiêm vẻ quí,
Sấm truyền cuộc thế vần mầu mây
Non xa mờ-mịt mưa cùng gió
Thấy nước mơ nguồn khách hỡi hay !

KHẢI MINH

(1) *Tế nhận dư đồ : là bốn chữ của chúa Trịnh trong câu đối đền Hùng Vương « Tế nhận-dư đồ dụ mệnh thế »*

(2) *Non Trọc : giãy núi đền Hùng là núi Trọc*

Dưới cửa nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

sao ta không nghĩ lấy tên thi-sĩ Nguyễn Du mà đề vào đấy cho có vẻ nên thơ.

Con đường vòng thành ra cửa Bắc (nay là Av. Pasquier) đã chứng kiến những sự hi-sinh của bao nhiêu sĩ Nhật - Việt. Đường cũng nên ghi tên các bậc anh hùng, vào đường lớn ấy và mấy phố phụ cận.

Đường hàng Bột đã có phen được đoàn quân chiến thắng ở Đống đa của vua Quang Trung chầy qua đang đổi là đường Nguyễn Huệ.

Còn các phố ở trong tỉnh vốn đã có tên cũ như hàn Gai, hàng Đào, hàng Bong, hàng Đường, Trường thi v. v. tưởng hãy để nguyên để ghi chép kỷ niệm của Hà-nội ba mươi sáu phố phường đời trước.

Trên đây tôi mới phác qua chút thiển kiến ước mong một hội đồng gồm các vị kỳ-cựu, về trí thức trong tỉnh thành Hà nội xét thật kỹ để lại tên xác phố chính thống của chúng ta xứng đáng với tài đi vãng lịch sử mà bao phen ông cha đã đem máu viết trên những trang oanh liệt

NG. TƯỜNG-PHƯƠNG

GIẤY BẠC VÀ CHÍNH-PHỦ

NGÔ-CÔNG

Trước chiến-tranh, ở Hà-nội có 3 ngân-hàng. Công-chúng gọi.

Trung-quốc trung-ương ngân-hàng là nhà băng *Tàu*,

Pháp-Hoa ngân-hàng là nhà băng *Khách*,

Hồng kông Thượng-hải ngân hàng là băng Hồng-kông,

Chartered Bank là Băng Đét-cua (vì trú-sở ngân-hàng này đặt ở băng Đét-cua) cũng như họ gọi Đông-dương ngân-hàng là *Băng Nhà-nước*.

Ngày nay, Đông-dương ngân-hàng vẫn được công-chúng gọi là băng « nhà nước » — dẫu rằng « nhà nước » của người Pháp đã đổ sau ngày mồng 9 tháng ba dương-lịch.

Cái tên « băng nhà nước » của Đông dương ngân-hàng, do công-chúng đặt ra, không phải là không có duyên-cớ.

Giấy bạc tôi mang đến sở « cầm » nộp một cái phạt rác là giấy bạc của Đông-dương ngân-hàng. Ông nộp thuế môn bài, thuế thổ-trạch... cũng dùng giấy bạc của Đông-dương ngân-hàng. Chúng ta mua bán cùng nhau, thảy đều dùng thứ giấy bạc ấy. Nhà nước phát lương cho công-chức cũng lại vẫn dùng thứ giấy bạc của Đ.D. N. H..

Giấy bạc D. D. N. H. phát hành được nhà nước dùng, dân-sự dùng. Bởi thế ta gọi Đ. D. N. H. là nhà « băng nhà nước ».

Xin nhắc lại :

Dưới chế-độ Pháp thuộc, người Pháp lấn hết quyền lợi của người Việt-nam ; về mặt kinh-tế họ làm chủ chuyên chế trong toàn-thể địa-hạt nông, công, thương : họ giao quyền phát-hành giấy bạc dùng ở Đông-dương cho một nhóm tư-bản Pháp : Đông-dương ngân-hàng.

Điều đó ai cũng thừa rõ. Nhưng ta cũng nên biết thêm vì lẽ gì Chính-phủ đông-dương (của Pháp) không tự phát-hành giấy bạc Đông-dương, lại giao việc này cho một công-ty riêng ?

Đặt câu hỏi ấy và nhận thêm rằng : khắp hoàn-cầu, rất ít nước có quốc-gia ngân-hàng chính-thức nghĩa là rất ít chính-phủ tự đảm-nhận lấy việc phát-hành giấy bạc. Thường-thường, việc này chính-phủ giao cho một ngân-hàng, để vừa lấy thuế, vừa kiểm-soát ngân hàng ấy.

Như ở Nhật, có Nhật bản ngân-hàng (1) giữ việc phát-hành những đồng ở Pháp có Banque de France phát-hành đồng Phật-lăng. Nước rộng như Trung hoa, Hoa kỳ có 2 hoặc 3 ngân-hàng phát-hành. Trước chiến-tranh, Giao-thông ngân hàng (Tàu) có giấy bạc của Giao-thông ngân hàng ; Trung-ương ngân hàng (cũng Tàu) giấy bạc của Trung-ương ngân hàng. Hai thứ giấy bạc của hai ngân-hàng khác nhau đều lưu-hành ở Trung-hoa. Ngày nay ở Bắc-bình, Liên-bang dự-trữ ngân-hàng phát-hành những đồng bạc ($) tàu mà quốc tế gọi là FRB$ (bởi chữ Federal Reserve Bank), ở Nam kinh, Trung-ương dự trữ ngân-hàng phát-hành những $ tàu mà quốc-tế gọi là CRB$ (bởi chữ Central Reserve Bank).

Chính-phủ không phát-hành giấy bạc. Điều đó đã gần thành một định-lệ ở thời-đại tư-bản.

Định-lệ này có những nguyên nhân sâu.

Một nước, muốn thịnh-vượng, hay — ít ra — muốn dân được làm ăn yên ổn, chính-phủ có nhiệm vụ giữ thế nào để giá của $ ít thay đổi. Ví-dụ, 1$ hôm nay mua được 1 bơ gạo, hay là 2 thước vải, hay là 3 chai dầu, ..., thì ngày mai ngày kia, một tháng nữa, hai ba tháng nữa, 1 $ cũng vẫn còn mua được 1 bơ gạo, hay là 2 thước vải hay là 3 chai dầu

Người ta gọi giá ấy là giá đồ-chác của $, hay là sức mua của $.

Để cho sức mua của $ ít thay đổi, chính-phủ cần phải làm thế nào để hấp dẫn được lòng tin của dân-chúng vào $, cần phải duy-trì, cần phải nuôi lòng tin ấy.

Muốn nuôi lòng tin của dân-chúng, điều kiện cần hơn hết là sở phát-hành $ phải là một cơ-quan

có tiếng giàu, có tiếng chắc-chắn để đảm bảo những $ đã phát-hành.

Điều-kiện ấy không Chính-phủ nào có được, dẫu là một Chính-phủ chuyên-chế, tựa vào một nền tài-chính rất thịnh-vượng của quốc-gia.

Là vì trên mặt địa cầu ngày nay, quyền của công-dân (2) đã được mở rất rộng. Ở nước quân-chủ cũng như ở nước dân-chủ, ít khi một nội-các đứng vững được lâu dài.

Nội-các thay đổi, những người giữ chính-quyền thay đổi. Vì phỏng chính-phủ đảm nhận việc phát-hành $ thì những người có trách-nhiệm đảm bảo $ cũng thay đổi.

Trải qua một sự thay đổi như vậy, liệu chừng lòng tin của công chúng đặt vào $ có y-nguyên được không? Nếu chính phủ phát-hành $, ta thấy những người thay mặt chính-phủ ký tên trong $ ngày nay là những vị tổng-trưởng có đủ chính-quyền, ngày mai có thể là những công-dân bất lực như ta.

Nguyên-tắc ấy phá hoại lòng tin của dân-chúng đặt ở $.

Rồi lại còn những vụ đảo-chính, những vụ thất quốc, những cuộc vận-động khôi-phục.

Cứ chịu khó điểm-xỉa nước Pháp, ta thấy:

Tháng giêng năm 1939, Daladier là thủ-tướng, tháng sáu đã là người tù. Những tiếng « quốc-trưởng Pétain » còn chưa hết dư-ba, mà nhật-trình đã đăng tin « thống-chế tự đem mình về nộp ». Một tướng khác đã đột-ngột tự-xưng là quốc-trưởng mới.

Cứ tưởng-tượng rằng: chính-phủ Daladier phát-hành giấy bạc, chính-phủ Pétain cũng phát-hành giấy-bạc lúc nắm chính-quyền và chính-phủ De Gaulle cũng lại phát-hành giấy bạc, ta thấy ngay cái nguy của người có những giấy bạc ấy, nghĩa là *cái ngụy của người dân Pháp*. Dưới chế-độ Pétain tất-nhiên giấy bạc Daladier là giấy vụn, cũng như dưới chế độ De Gaulle giấy bạc Pétain là giấy vụn.

Và guồng máy sinh-hoạt sẽ bị ngừng trễ đến bậc nào, nếu dân chúng chưa thể tin De Gaulle, lúc quân Đồng-minh và quân Đức còn đánh nhau ở miền đông nước Pháp?

Những cuộc phá sản ấy đều tránh khỏi, là bởi trải qua 3 lần biến đổi ấy, cơ-quan phát hành phát-lãng là một công-ty riêng: Pháp-quốc ngân-hàng, tư-bản không thay đổi, tài-sản không thay đổi, làm việc tuần-tự theo luật lệ của mỗi chính-phủ chứ không thay đổi như những chính phủ (3)

Ở Việt-nam ta, vì phỏng phủ Toàn-quyền (người Pháp) phát-hành $ vì sau ngày 9/3/45, ai bảo đảm $? Những người ngày hôm trước còn nắm quyền nghiệp để ép ta tin $, ngày sau đã là tù-binh. Trong tình-thế ấy, liệu chừng ông có đủ gan dạ nhận đổi mộ tấn gạo lấy một xấp bạc không?

Vậy mà ngày 10-5-45, giá gạo ở Hà nội vẫn chùng-chình giữa 700-800 $ một tạ. Lòng tin của dân-chúng đặt vào $ vừa bắt đầu nứng, đã được chống đỡ là ngay bởi những bản tuyên-cáo của nhà đương cuộc Nhật-bản, cho biết rằng: $ đông-dương vẫn được giữ nguyên giá.

Giữ được nguyên giá là vì cơ-quan phát-hành $: Đông-dương ngân-hàng, trước 9-3-45 làm việc theo luật-lệ của chính-phủ Pháp, sau 9-3-45 làm việc theo luật-lệ của Tổng tư lệnh quân-đội Nhật-bản (bộ này giữ trọng trách tổ-chức đời sống của toàn-thể dân-chúng, trong lúc chờ đợi một Chính-phủ hoàn toàn tự-trị, hoàn-toàn độc-lập).

Đông dương ngân-hàng, với bao nhiêu tư-bản, bao-nhiêu tài-sản bao nhiêu dụng-cụ, không thay đổi trước 9-3-45 cũng như sau 9-3-45. D. D. N. H tạm đặt dưới quyền kiểm-soát của Tổng tư-lệnh quân đội Nhật bản, cũng như từ trước đã đặt dưới quyền kiểm-soát của Tổng giám-đốc tài-chính Đông-dương, vẫn giữ trách-nhiệm đảm-bảo $. Nhờ vậy $ còn có giá.

Đó là một điều may cho dân-chúng Việt-nam.

Nhưng nếu Đông-dương ngân-hàng là một *ngân-hàng của nước Việt-nam*, (hay của xứ Đông-dương) chứ không phải của một nhóm tư-bản pháp, thì điều may ấy mới ích lợi lâu dài.

Phải chăng việc thay đổi Đông-dương ngân-hàng thành Việt-nam ngân hàng là một trong những việc mà nội các Trần-Trọng Kim đang hết sức chú ý?

NGÔ CÔNG

---

(1) Không phải « Hoành tân chính kim ngân hàng » (Yokohama spec Bank)

(2) công dân tư-bản —

(3) Sau cuộc thất-trận 1871 Thiers đã nói: « Ngân hàng đã cứu chuộc ta vì ngân hàng không phụ thuộc của chính phủ » (La Banque non a sauvé parce qu'elle n'est pas une banque d'Etat).

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN - THI - BÍCH

Số 5

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cầm quyền chưa đặng mấy ngày,
Thuận-an lại thấy người Tây quét rày.
Ei ôn nong sức mạnh tài hay,
Thành bền lũy cứng, bỏ rạng chạy dài.
Bởi vì tiếp ứng không ai
Uổng-tâm hoạnh-tử, thương người oan thay!
Một cơn lửa dậy khói bay,
Cả đoàn tướng sĩ thoát rày không phương.
Lâm-Hoành Thúc Nhận (1) khá thương!
Dòng quyền lại láng túng-đường liều thân,
Sa-trường xót bấy quan quân!
Tấm lòng vì nước muôn xuân danh ngời.
Yết hầu (2) hiểm-yếu mất rồi,
Vì như nước vỡ, bờ trôi dìu bè.
Lấy ai đốt pháo xang xe?
Cầu-hòa phải quyết chịu bề nhận thu.
Nào là những đấng trượng phu
Ngày thường ăn nề (3) chẳng cho đánh bừa.
Lâm cơ mặt ngảnh tai ngơ (4)
Miệng hùm gan sứa bây giờ mới hay.
Đã đành xếp giáo bó tay,
Hoi mươi bảy khoản ước rày dám sai!
Kinh-thành dù đó tới lui,
Cải canh việc nước suy đồi từ nay.
Đặng an, mừng hãy chút may.
Xin lo sửa-sửa định ngày ninh lăng... (5)
Đồng đâu sinh chuyện bất bằng,
Ăn bay chẳng kinh, dam rằng ly-hoang (6)
Ngài rằng mất cửa Thuận-an,
Ngài vì ở trước vụng toan phòng nhàn (7)
Truyền phó, kẻ triều quan,
Ẩn-cần (8) chẳng đặng lập ban đứng chầu.
Than ôi! chưa đặng bao lâu,
Vỡ nào vội đã trước sau khác lòng!
Lại nghe vu-hoặc (9) cáo chung,
Nặng lời quở-trách Khiêm-cung (10) phi tần
« Nghe ai, mưu khử quyền-thần » (11)
Sự-cơ bất mật, tai truân lập tùy!
Đều là những sự quái-phi (12),
Chẳng gìn lễ-nghĩa, phúc gì đặng lâu?
Họa-thai bởi ý rất mau,
Sự sinh, sinh sự, há đâu ở trời?
Tưởng trông, đau đáu lòng người,
Con vua chính vị, dân trời thầy ưng.
Nhân cơ, hai gã đại-thần, (13)
Cũng rằng vì nước, cũng rằng vì thân.
Đồng lòng ủng lập ấu quân
Toan mưu phế trí, sớ văn tâu bày.
Tính vừa bốn tháng mười ngày,
Đặt lên cất xuống sự này tại ai?
Chúng quan tề-tập quanh ngoài,
Sớ dâng kể hết mọi lời vân vi.
« Bởi lòng ở chẳng phải lời.
Ngồi trên muôn cổ (14) ai vì khẳng theo?
Chỉn lo nhà nước nghiêng nghèo,
Làm tôi vậy phải quyết liều trước toan.
Chịu thì đều đặng viện an,
« Người hay theo phép dám can phạm gì?
« — Đã vậy còn hãy nói chi,
Xin cho phiên-phục (15) lại về là may.
Lạy xin cứu mẹ con nay »
Nghe lời người cũng xót thay những là!
Phán rằng: « Sự ấy mặc ta.
« Có truyền ý-chỉ (16) dám là chẳng vâng »
Lãng-công nghe vậy lòng mừng.
Soạn đồ bửu-ấn (17) giao dâng tức kỳ.
Bèn ban ý-chỉ dụ trí:
« Phụ thần nay phải tuân y lời già,

Sự này há bởi người ta,
Nay dù có lỗi, cũng tha mới đành.
Huống đã chịu phép phục tình,
Rộng dung cho đặng toàn-tính thoái-hồi » (18).
Hai quan phụ-chính vâng lời,
Gửi « xin trực võng mời người kịp ra ».
Sợ e đâu dám dần-dà,
Một đoàn hầu thiếp cùng là con dân,
Ra vừa tới chốn thành đầu,
Phủ ông Dực-đức truyền hầu vào ngay,
Mẹo lừa gạt gẫm (19) khéo thay !
Sẵn đành (20) thuốc độc ép vầy chết tươi !

(Xem tiếp trang 16)

---

1) Lâm-Hoành Thúc-Nhận là hai tên người, chống nhau với quân Pháp, bị tử trận tại cửa Thuận-an vào năm 1885. Xem Đại-Nam Liệt-truyện, nhị-tập (q. 35, tờ 2a và q. 39, tờ 10b) không thấy chép tên ông Trần-thúc-Nhận, chỉ thấy chép rằng : « Lúc ấy người Pháp đem thuyền chiến đến cửa Thuận-an, hữu-quân đô-thống là Lê-Sĩ, thống chế là Lê-Chuẩn, phò-phòng-luyện là Lâm - Hoành, chia nhau đem quân ra chống cự. Suốt hai ngày tiếng súng không ngớt ; quân Pháp bèn xuống thuyền-con chèo vào bờ, đi sau dường Thái-dương đánh úp vào thành Trấn-hải ở Thuận-an. Lê-Sĩ cùng Lê-Chuẩn, Lâm-Hoành và chưởng-vệ Nguyễn - Trung đều chết tại trận... ». Nhưng xem đến Việt-nam Tân-báo (số 78, ngày thứ tư 27-6-1945) về bài Tên mới các đường trong thành-phố Thuận-hóa, thì phố Doudart de Lagrée đổi làm « Đường Trần-thúc-Nhẫn, vị anh hùng đã tuẫn-tiết ở cửa Thuận-an, cùng với Lâm-Hoằng ». Chữ này vận cảnh, đọc là Hoành mới đúng. Thế thì có Trần-thúc Nhận, chứ không phải không. Vả lại, xem trong tiểu sử bà Lễ-Tân Nguyễn-thị Bích (tác - giả Hạnh-Thục-Ca) có câu « Phàm hữu sắc phụng chiếu thư; viên bút lập tựu, vô bất xứng chỉ » nghĩa là « Hễ có sắc sai bà làm những chiếu thư, thì bà cầm bút viết xong ngay, không bài nào là không xứng ý » (Đại-nam liệt-truyện nhị-tập, q. 4, tờ 22 a-b). Thế thì những sự-tích điển-cố ở trong bài Hạnh-Thục Ca này, có lẽ chắc chắn lắm. Tuy trước kia tôi có nói rằng sở dĩ chép bài ca này ra quốc-ngữ, chỉ cốt hiến độc-giả một mớ tài-liệu mà xưa nay chưa ai in ra chứ chưa dám bàn về sử. Song, cứ xem như câu này, thì đủ biết bài Hạnh-Thục Ca có giá trị lắm. Nhân tiện tôi yêu-cầu chính-phủ cho công - bố những giấy tờ từ năm 1856 cho đến trước ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945, để bổ khuyết vào sử-liệu nước nhà. Thế-dụ truyện Trần-thúc-Nhận ở sử không có, mà bà Lễ Tân kể ra được, chắc là có giấy tờ rõ ràng lắm.

2) Yết hầu là cuống họng, nghĩa bóng là chỗ đất hiểm-yếu.

3) Ăn nể là tiếng Trung - kỳ, tức là ăn dưng hoặc ăn không.

4) Câu « Lâm cơ mật ngoảnh tai ngơ », bản nôm của trường Bắc-cổ có phê bốn chữ « mạo đắc thống khoái » nghĩa là « mắng thế, thật là đã mà sướng.

5) Ninh là yên lặng là mà vua chúa. Cả hai chữ ninh lăng là đem lăng.

6) Ly là tên một quẻ trong bát quái ; quẻ ly ở phương nam Ly lại có nghĩa là sáng ; vua ngảnh mặt hướng nam, nên nhà làm văn thường mượn chữ ly để gọi vua. Hoang nghĩa là say đắm, hoặc say mê

7) Phòng-nhân là ngăn-ngừa trước.

8) Chế cân là khăn để chở, tiếng Trung-kỳ gọi là để khăn chế.

9) Vu là đặt chuyện, hoặc là lừa dối.

10 Khiêm-cung phi-lần là các phi lần của vua Tự-đức.

11) Mưu khử quyền-thần là mưu trừ bọn quyền-thần, tức Nguyễn-văn-Tường và Tôn thất-Thuyết.

12) Câu « Đều là những sự quái phi » bản nôm của trường Bắc cổ có phê bốn chữ « nghị luận xác đáng ».

13 Câu « nhân cơ hai gã đại-thần bản chữ nôm có phê bốn chữ « như kiến phế can » nghĩa là « như thấy rõ gan phổi hai gã đại-thần. »

14) Muôn cỗ là muôn cỗ xe Phép nhà Cha, ngôi thiên tử tất vuông nghìn dặm, khi xuất binh được dùng muôn cỗ xe, vua chư-hầu đất vuông trăm dặm, khi xuất binh được dùng nghìn cỗ xe, vì thế, đời sau gọi thiên tử là « vạn thặng », nghĩa là « muôn cỗ xe. »

15) Phiên là phiên hay rào, thục là theo. Phiên thục là chữ chứ quan ở ngoài biên giới.

16) Ý là tốt chỉ là chỉ đạ ; cả hai chữ là lời của hoàng-thái-hậu hoặc hoàng-hậu.

17) Bữa ăn là ăn bữa, tức là ăn của vua.

18) Toàn-sinh thoái hồi là được sống hoàn toàn để lui về.

19) Câu « mẹo lừa gạt gẫm khéo thay », bản nôm của trường Bắc-cổ có phê câu « vì đại-thần kẻ, bất đắc dĩ tại nhân » nghĩa là « Làm vì đại-thần lúc bấy giờ, thì cái mưu-kế không trở nào không làm thế được » Tuy vậy câu phê này không được chính-đáng.

20 Câu « Sẵn đành thuốc độc ép vầy chết tươi », bản chữ nôm có phê hai chữ « nhẫn tai » nghĩa là « nhẫn tâm thay » ! Sách lấy chép việc vua Hàm nghi nhiều lắm, quyển của ông A. Delvaux (Quelques précis sur une période troublée de l'histoire l'Annam) đăng ở Bulletin des Amis du Vieux Hué, năm 1941 có giá-trị hơn cả.

Văn trào lộng
của nhà nho

PHẠM-MẠNH-PHAN

NGƯỜI ta vẫn thường chịu các nhà nho là những người thâm và hay dùng văn chương để rưỡu cợt thế nhân hoặc dùng lời lẽ thâm trầm mà hỷ lộng cổ kim, kim cổ.

Trong các nhà nho hay dùng chữ để đùa cợt, chúng ta không quên Chiêu Hồ và Hồ xuân Hương đã từng cùng phen ngâm vịnh. Khi Chiêu Hồ vào kinh, Xuân Hương có làm câu thơ có ý trách:

Nay đã mần cha thằng Xích tử

Chiêu Hồ đáp lại có vẻ khinh thị:

Rày thì đủ mẹ cái hồng nhan.

Thật là chua chát và tài tình!

Cụ Yên Đỗ một thi gia gần đây cũng hay đùa với chữ. Một hôm cụ đã tặng cô Tư Hồng ba chữ « *chi chi dã* », chi là chưng, dã là vậy. Chính ba chữ đó thì không có nghĩa gì nhưng đọc lên mà nghe chệnh rất rõ *chi chi dã* là *cha cha đi*. Thật là một câu mỉa mai cay độc, mỉa mai cũng như một nhà nho khác đã từng tặng cô đôi câu đối:

Hai chữ bao phong hàm cụ lớn
Nghìn năm danh tiếng của Bà to

Một phú thương khác một hôm đến xin cụ Yên Đỗ mấy chữ để dán ở cửa hàng. Cụ làm bút viết ngay ba chữ « *nhất* » giống ba cái bẫy.

Người kia ngạc nhiên không hiểu. Cụ liền cắt nghĩa:

— Bác dốt lắm, đó là chữ trong Tam tự kinh. Tôi viết ba chữ *nhi* là có ý chúc bác buôn bán ngày thêm phát đạt vì trong sách đó chả có câu: *thập nhi bách, bách nhi thiên, thiên nhi vạn* như thế chả: mười hoá trăm, trăm hoá nghìn, nghìn hoá vạn. Bác còn muốn gì nữa.

Nghe đoạn người kia bèn cảm tạ đứng lên về!

***

Giữa nhà nho và các nhà tu hành xưa kia vẫn thường để lại những giai thoại nên thơ.

Một hôm, nhà nho nghe đâu như ông Ngô thời Nhậm vào một cảnh chùa thấy nhà sư đán ở trước tam quan đôi câu đối:

Cứu nhân độ thế
Khuyến thiện trừng dâm

Nhà nho ngẫm ngợm liền nảy ra ý lỡm nhà sư mà nối thêm vào mỗi vế mấy chữ thành một đôi câu đối khác mà ở trong vừa có ý riễu cợt mà lại bao hàm điển tích của nhà Phật:

Cứu nhân độ thế, của ai vay
mất một đền mười
Khuyến thiện trừng dâm, con
đâu đẻ tháng tư mồng tám

Một nhà nho khác một hôm gặp một nhà sư liền có ý khoe chữ. Nhà sư muốn thử tài hiền ra một vế câu đối:

Cái là tượng tượng là voi, voi
chầu cửa cái

Nhà nho liền lỡm lại rằng:

Tu là hồ, hồ là cọp, cọp hất
thầu tu..

Thật là xuyên tạc và châm biếm có ý riễu cợt nhà sư là sư hổ mang và nguyền rủa là khác nữa!

Cũng nhà nho ấy nhân vào một cảnh chùa khác hãy nhà sư có vẻ phong tú: liền tỏ ý muốn cầu cứu ít tiền. Nhà sư đang rót dầu ngoảnh lại từ chối, dầu rây ra cả để liền nói với nhà nho:

Dầu vương cả để.

Nhà nho hiểu ứng khẩu một cách khí khái

I... vãi dầu sư

Rồi đi thẳng! Thật là ngang tàng và ngạo mạn.

***

Một ông quan bắt nhà nho đi phu. Nhà nho chốn. Quan bắt vợ đi thay. Ông chạy theo vấp ngã. Quan sai bắt và nọc ra đánh rồi bắt đối được câu này thì tha dòn:

Phu là chồng, phụ là vợ, vì
chồng vợ phải đi phu

Thật là cái cảnh của người đang nằm trước mặt quan. Nhà nho nảy ra ý lỗn xược, lấy giọng tự xưng với vợ để ngạo nghễ và mày tao với quan mà đối lại:

Ngã là ta, nhĩ là mày, tại mày
ta nên hóa ngã!

Ở vùng Trực Ninh, Nam định có một bực đại thần xuất thân chỉ là một bực khố trắng

Lúc thiếu thời, cụ có ra tranh lý trưởng ở làng, nhưng không được, sau gặp thời ra làm quan tới đông các. Vua Tự Đức có phê rằng:

Lý trưởng bất túc, tổng đốc
hữu dư

đúng như hoạn bộ của bậc đại thần ấy.

Một nhà nho trong chỗ thân thuộc có làm một bức hoành tặng để bốn chữ:

Van lý trưởng thành

Chữ trưởng còn đọc là trưởng. Trong hoành đó rõ ràng 2 chữ « *lý trưởng* » mà nhà nho có ý mỉa mai sỏi mỏi tới việc ra tranh lý trưởng của quan ngày trước!

Nói đến câu đối mừng, nhiều người còn nhớ tới chuyện mới đây của một đại phú gia ở miền bể.

Nhân xây xong ngôi nhà và một cái cổng đồ sộ nhưng không hiểu sinh văn tự làm sao đã nhờ 1 vị đại khoa nghĩ cho mấy chữ để nề vào cổng. Nhà nho đã viết hai chữ « *Đại lai* ».

Hỏi thì ông trả lời rằng:

— Đại lai nghĩa là dưới cổng này sẽ có các quan khách phần nhiều là đại viên đại hiển qua lại.

Có người thì thầm bảo nhau:

— « Đại lai là « lớn lại », mà lớn lại nói ngược lại là « lái lợn ». Như vậy quả là cố ý nhắc tới cái quá khứ thủa hàn vi của bậc đại phú gia.

Nghe đâu mặc dầu thế hai chữ ấy hãy còn nề trên cổng.

Một ông lái khác được cửu phẩm liền đặt tiệc khao. Một cụ đồ mừng đôi câu đối:

Chén thọ nay mừng vừa kẹo
kẹo
Tuổi già mặc nữa đến khươm
khươm

kẹo kẹo là tiếng lóng của nghề mua lợn nghĩa là 55. Đúng với tuổi chủ nhân. Và khươm khươm cũng là tiếng lóng ba con số 99. Câu mừng vừa nhã mà quả là đề mừng một ông lái lợn.

Cũng trong một tiệc mừng khác, một bực thầy nho giữa một bữa tiệc đầy quan khách đã đọc mừng chủ nhân bốn chữ: *Kế thế lan tôn*.

Thật hợp với cảnh vui mừng của chủ nhân.

Nhưng chữ *tôn* chính là chữ *tông* đọc chệnh, *lan tôn* là *lan tông* và đọc nhanh nghe giống chữ *planton* là làm tùy phái. Chủ ý người mừng là mỉa mai chủ nhân là một người tùy phái học làm sang mà ông thân xưa cũng xuất thân là một tùy phái! Rõ ràng « *kế thế planton!* » là đời nọ đời kia nối nhau làm tùy phái! Thật chua chát và trào lộng!

Ở một phố phía bắc thành phố H. N. trước kia có một nhà hộ sinh lấy tên là « *Con Rồng* ». Bà chủ nhà hộ sinh ấy có nhờ một nhà nho làm hộ một câu đối để nề vào cột. Câu đối ấy trước thấy ở ngay nhà hộ sinh:

Con Tiên cháu Rồng, lộn
xuống trần gian vui vẻ nhỉ.

Mộng hùng mơ rắn, sai đâu
con tạo dỡ dàn cho.

Câu đối ấy dán ở nhà hộ sinh thật là hợp và hay, nhưng nhà nho có ý lỡm và nếu chấm lại câu các bạn đọc sẽ thấy rõ « dụng ý » của nhà nho tác giả câu đối ấy.

Tôi không dám vạch cái dụng ý ấy ra đây e thất lễ với các bạn đọc!

Văn trào lộng nhiều khi còn nhuốm mầu chua chát như bài thơ sau đây:

Một vị tổng đốc miền duyên hải kh trước đã nổi tiếng là kẻ thù số một của các chí h trị phạm. Khi tại chức ông vẫn thường dùng « đại chầy » để tra tấn các tội n ân mà tăng công với bọn thực dân Pháp, khiến mọ người:

Một phen nhắc đến kinh thiên
hạ
Reo khắp non sông một tiếng
chầy!

Vì vậy một nhà nho, cụ Đồng Gang tỉnh Thái bình đã có lần ướng lên bài thơ « Cái chầy » để ghi trên bia miệng cách tra tấn đã man của vị quan ấy, với bao giọng mỉa mai chua chát:

Ngẫm càng gớm kẻ đặt nên
chầy
Nó nức gần xa nặng tiếng
chầy!
Muốn giã, muốn đâm thì phải
cội
Nào lên, nào nện cũng bằng
chầy
Chạch cua, ngán nỗi chui vào
Xến mít, ghê thay khéo đe
chầy
Đầu có nhọn đâu mà cỏ thật
Mỡ dầu nạo hết để bôi chầy

PHẠM MẠNH PHAN

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 14

Ứng-hộ NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Dương Quảng Hàm nói về « Các thể văn của Tàu và của ta, thi-pháp của Tàu và âm-luật của ta » ở chương thứ mười ba trong quyển *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, từ trang 109 đến trang 125. Chương này là ông Hàm theo chương-trình của nhà học-chính cũ; đáng lẽ tôi không phải bàn đến, vì đối với sử-học không thiết thực lắm. Nhưng là sách giáo khoa thì một câu-nói, một chữ-viết, đều có thể làm khuôn-mẫu cho học-trò được; mà chương này cũng có một vài chỗ ông Hàm giảng nghĩa hình như không rõ và có chỗ lại hơi sai nữa nên lần lượt cả-chính như sau này :

Trang 110 nói về thơ, ông Hàm viết : « Theo số chữ trong câu, thơ có hai lối chính : 1) ngũ ngôn ; 2) thất ngôn ». Hình như thiếu, vì thơ bắt đầu có từ thơ quốc-phong và thơ đại-nhã, tiểu-nhã trong *Kinh-Thi*, phần nhiều dùng mỗi câu bốn chữ. Từ đời Ngụy (220-265) đời Tấn (265-420) trở sau, phần nhiều dùng mỗi câu sáu chữ và bảy chữ. Như thế mà chỉ có hai lối chính, là năm và bảy chữ, thì thiếu lối bốn là cội rễ của nghề thơ

rồi chữ ngũ ngôn thất ngôn chưa thêm rằng : Thơ ngũ ngôn bắt đầu có từ Lý Thái-Bạch người đời Đường Minh-hoàng (713-755) và Tô Đông-Pha (người đời Tống, vào khoảng Nhân-tông đến Triết-tông : 1023-1099) ; thơ thất ngôn bắt đầu có từ Hán Vũ-đế (140-74 trước T. C.).

Cùng trang 110 ông Hàm nói : « *Thơ cổ phong và thơ Đường luật*. Theo cách làm, thơ chia làm hai thể : 1) Cổ-phong hoặc cổ thể là thể thơ có trước đời nhà Đường, không theo niêm luật nhất định ; 2) Đường-luật hoặc cận-thể là thể thơ đặt ra từ đời nhà Đường (618-907) phải theo niêm luật nhất định. — *Thơ tứ tuyệt và thơ bát cú* Theo số câu trong bài, thơ Đường-luật chia làm hai lối : 1) Tứ tuyệt mỗi bài bốn câu ; 2) Bát cú, mỗi bài tám câu »

Đoạn ấy không được rõ, nên chữa lại như thế này :

Thơ cổ-phong và thơ Đường luật. — Thơ có hai lối : một là cổ-phong ; hai là Đường-luật. Cổ-phong có tên là cổ-thể lại có tên là cổ-thi. Dùng vần bằng hoặc vần trắc, hoặc huyền vận hoặc không chu-yên vận, không có phép-tắc nhất định ; lại có thể dùng mỗi câu 5 chữ, 7 chữ, 3 chữ, 4 chữ, 6 chữ được cả. Từ ngày Thẩm-Ước (người đời Lương Vũ-đế : 502-549) xướng lên cái thuyết tứ thanh (bốn tiếng : bình, thượng, khứ, nhập) thì lối thơ từ bấy giờ trở đi mới có thanh-âm và âm-luật. Rồi đến đời Đường (618-907) nghề thơ toàn-thịnh, mới phân ra cổ-thể và cận-thể. Cận-thể có tên là Đường-luật, vì đến đời Đường mới có các lối ấy, cận-thể thì có âm-luật và có hạn số chữ, số câu, nhất định.

Thơ tứ-tuyệt và thơ bát-cú. — Theo số câu, thì thơ Đường-luật có hai lối : một là tứ-tuyệt ; hai là bát cú. Tứ tuyệt là chữ của ta quen dùng mỗi bài thơ bốn câu. Chính của Tàu gọi là tuyệt-cú : là mỗi bài bốn câu, hoặc vần bằng hoặc vần trắc, mỗi câu 5 chữ, 6 chữ, hoặc 7 chữ đều được cả. Lối ấy bắt đầu từ lối thơ-mới đời Tề (479-501) đời Lương (502-556), đến đời Đường mới có tên là tuyệt-cú. Còn như chữ tứ-tuyệt của Tàu thì nghĩa khác : một là bốn thứ tuyệt tốt tuyệt hay không ai bằng, như cái bia Nguyên-đức-Tự và bia Nhạc-dương-lâu, người đều khen là tứ tuyệt (một người thợ bia khéo, một người làm văn bia hay, một người viết chữ chân và một người viết chữ triện đều tốt) ; hai là bốn ngày tuyệt xấu, là bốn ngày hôm trước ngày lập-xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, người ta rất kiêng, cho là đại kỵ, nên gọi là tứ-tuyệt : thế là chữ tứ tuyệt của Tàu không có nghĩa gì về thơ. Bát cú cũng là chữ của ta quen dùng gọi thơ tám câu. Chính của Tàu gọi là luật thi, nghĩa là có cách luật nhất định. Luật ngũ ngôn bắt đầu từ đời Tề đời

Lương ; đến đời Đường mới có tên là luật thi ; luật thất ngôn bắt đầu từ đời Đường, mỗi bài tám câu. Còn từ mười hai câu trở lên gọi là bài luật.

Trang 117, ông Hàm nói về « *Cách gieo vần trong lối thơ cổ phong.* — Lối thơ cổ-phong có khi cả bài dùng nguyên một vần *(độc vận)*, hoặc dùng nhiều vần *(liên vận)* Khi dùng liên vận thì hoặc mỗi hai câu mỗi đổi vần (lối này phải dùng vần *liên châu* mỗi cuối câu mỗi hạ-vần), hoặc bốn câu đổi dùng một vần... hoặc tám câu đổi dùng một vần... »

Đoạn này cũng không rõ và cũng thiếu nghĩa. Như dưới chữ « nhiều vần » mà chua chữ « liên vận » thì những học-trò mới tập học chữ nho có lẽ phải phân-vân mà tự hỏi rằng : « không biết có phải chữ «liên» là «nhiều» không?». Lại như câu : « mỗi cuối câu mỗi hạ vần » thì học-trò có lẽ phải hỏi rằng : « Thế thì câu nào cũng phải có vần ư ? » Vì thơ tám câu chỉ có năm vần hoặc bốn vần, còn bốn câu hoặc ba câu không vần ; thơ bốn câu thì chỉ có ba vần hoặc hai vần, còn hai câu hoặc một câu không vần.

Vậy nên chữa lại như thế này :

Lối thơ cổ-phong có khi cả bài dùng một vần gọi là độc vận, hoặc dùng nhiều vần, gọi là liên vận. Khi đã dùng đến lối liên vận, thì có nhiều cách : có khi hai câu một, lại đổi sang vần khác (xem kỹ ra, nếu hai câu đổi một vần, thì có thể gọi là không có vần, nhưng mấy chữ thứ 4, 5, 6, 7 ở câu có vần, thường dùng làm chữ thứ 1, 2, 3, 4 ở câu liền đấy nên ta thường gọi là liên-châu' Chứ chính chữ liên-châu của Tàu, lại là một lối văn bắt đầu từ Dương - Hùng đời Hán. Lời văn đẹp-đẽ mà gọn gàng, không nói rõ sự-thực, chỉ mượn thi dụ mà người xem hiểu thấu, có lần-lượt rõ-ràng như chuỗi hạt châu, cho nên gọi là liên-châu) ; có khi bốn câu, sáu câu, tám câu lại đổi sang vần khác.

Trang 123, ông Hàm nói đến « Họa vận (họa : ỏa theo ; vận : vần) là bài thơ gieo đúng các chữ vần của bài trước ở là bài xướng (bài lên) để đáp lại ý - nghĩa bài trước hoặc biểu đồng tình, hoặc phản đối lại ».

Chữ « họa » tuy mặt chữ nho viết chữ « hỏa » nhưng có một âm đọc là « họa » nghĩa là « thanh-âm hưởng ứng nhau ». Ông Hàm chua là « hỏa theo » thì không rõ. Còn chữ « xướng » thì mặt chữ nho viết « nhân đứng » bằng chữ « xương » nghĩa là « khởi xướng » hoặc « xướng lên », chứ không phải « xướng » là « hát lên » : ông Hàm viết nhầm chữ « khẩu » bên chữ « xương » nên mới cắt nghĩa là hát. Tôi tưởng nên chữa « Họa vận là bài thơ gieo đúng vần bài thơ của người khác tức là bài xướng... » v. v.

Đến mấy bài thơ ông Hàm sao để làm mẫu cũng có chữ nhầm. Như trang 116 ông Hàm sao bài *Con cóc* của Lê Thánh-tông, câu 3, 4 ông Hàm chép : « Tép miệng năm ba con kiến gió, nghiến răng chuyển động bốn phương trời » ở bên cạnh lại chua hai chữ « đối nhau ». Xét ra thì không đối nhau tý nào cả : « Năm ba » không đối được với « chuyển động », « con kiến » không đối được với « bốn phương ». Trường Bác-cổ có sao được bài thơ ấy bằng chữ nôm, tôi thấy khác như thế này : « Tắc lưỡi ra oai ba chú kiến, nghiến răng chuyển động bốn phương trời » (*Quốc-văn tùng - ký*, bản sao của trường Bác- cổ số A B 383, tờ 14 b) chưa chắc có đúng như thế không, nhưng ta xem chữ « ra oai » thì có thể đối được với « chuyển động », chữ « ba chú », có thể đối được với « bốn phương » còn như chữ « Tắc lưỡi » với chữ « Tép miệng » thì chữ nào cũng tốt, vì hai chữ cũng một ý nghĩa giống nhau.

Bài *Khen Trần Bình - Trọng* ông Hàm chép như thế này (ở trang 117) :

Gió thay Trần Bình - Trọng !
Dòng - dõi Lê Đại - hành.
Đánh giặc dù tài mạnh,
Thờ vua một tiết trung.
Bắc vương sống mà nhục,
Nam-quỉ thác cũng vinh
Cứng-cỏi lời trung-nghĩa,
Ngàn thu tỏ đại danh.

PHAN-KẾ-BÍNH

Cả bài có 8 câu 4 vần 4 chữ vần là : hành, trung, vinh, danh, thì là chữ « trung » không đúng vần tức như ông Hàm đã nói ở trang 111 là « lạc vận ». Nhưng không biết là tác-giả « lạc vận » hay ông Hàm chép sai. Dù sao nữa, một bài làm mẫu mà lạc vận như thế, thì không nên chép làm bài học.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

PHÉP QUÂN ĐIỀN
TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tinh phong NGUYỄN-TOẠI

Triều Minh mệnh, nước ta có thi hành phép quân điền tại tỉnh Bình định. Phép ấy cốt là cấp ruộng cho người nghèo, cho họ có kế sinh nhai. Ruộng đem cấp ấy là ruộng nhà nước trích của người giàu đem tịch thu làm ruộng công.

Khởi xướng ra việc ấy là Võ xuân Cẩn (1) Năm Mậu tuất, Minh mệnh thứ 19 Võ xuân Cẩn làm Tổng đốc Bình phú (Bình định và Phú yên). Thấy tại tỉnh Bình định, số ruộng công rất ít, không đủ để quân cấp cho dân đinh, thành ra họ lâm vào cảnh đói khó, bèn có ý chia lại ruộng đất để cho kẻ nghèo có kế mà sống được. Tháng một năm ấy, dâng sớ vào triều, xin thi hành phép quân điền ở các tỉnh. Xin rằng những chủ ruộng chỉ được giữ nhiều nhất là 5 mẫu làm tư điền, còn thừa bao nhiêu, đem làm công điền, để phân chia cho dân. Đức Thánh tổ không bằng lòng cho thi hành ngài dụ rằng « tư điền, tư thổ là huyết hãn của dân, nay đem tịch của tư làm của công, việc làm trái với nhân tình, tuy thi hành không phải dễ.

Đến tháng bảy năm sau, Triều đình lại bàn đến việc quân điền. Lộ bộ đề nghị rằng : Ở những thôn ấp nào mà số ruộng công nhiều hơn số ruộng tư, hay là số ruộng công và số ruộng tư bằng nhau, thì cứ để nguyên như cũ, không có tịch thu của ai cả. Nếu ruộng tư nhiều hơn ruộng công, xin thu một nửa số ruộng tư làm ruộng công. Ở những nơi ấy, có những dân đinh không có ruộng đất, hoặc chỉ có đất mà không có ruộng, hoặc số đất nhiều mà số ruộng ít, nhà nước sẽ trích những quan trại điền, công điền ở gần đấy mà cấp cho. Như thế, bình dân đều được hưởng lợi. » Đức Thánh tổ cho rằng phép ấy có phần dễ thi hành hơn phép mà Võ xuân Cẩn đã tâu trước kia, — trước kia, chỉ để cho mỗi chủ 5 mẫu làm tư điền, còn thời sung công cả — Ngài bèn quyết ý, cho làm thử tại Bình định, để xem thành hiệu thế nào. Ngài sai Võ xuân Cẩn, là người đã có sáng kiến, khi ấy làm Hình bộ thượng thư kiêm Đô sát, cùng với Hộ bộ tham tri là Doãn Uẩn, vào Bình định và cấp cho tiền bạc làm lộ phí. Trước khi lên đường, hai người lại tâu rằng : « Cứ ruộng ở tỉnh ấy, hiện không thể nhất nhất chia đều được. Ấp nào mà may có ruộng khá nhiều, đến kỳ quân cấp, cứ theo phép cũ chia hạng mà cấp. Ấp nào mà số ruộng hơi ít, thì xin trước hết cấp ruộng cho lính, lương điền còn thừa mới chia khẩu phần mà cấp cho dân. Ấp nào mà số ruộng ít quá, xin chỉ cấp lương điền thôi. Trong cấp nào địa thế xa cách, không lấy quan trại điền mà cấp cho được, thì xin xem ở gần đấy có ấp nào mà có nhiều công điền, trích một số ruộng độ một vài mẫu mà cấp cho. Còn như tư điền, bất cứ của thường dân hay của công thần, thế tộc, nhất luật sung công một nửa » Vua đều nghe cả ; duy tỉnh ấy có ruộng hương hỏa của Đào duy Từ, cũng phải trích bớt, ngài chuẩn cho mỗi mẫu là 50 quan tiền, giao cho cháu chắt là Đào duy Du giữ lấy mà cúng tế. Ngài lại lo rằng các xã phải làm lại điền bạ, không khỏi phí tổn, chuẩn cấp cho xã lớn 8 quan, xã trung 6 quan, xã nhỏ 4 quan ; ngài thấy ở tỉnh ấy giấy đất, sai đem giấy trong kho vào phát cho mà làm sổ.

Tháng một năm ấy, Võ xuân Cẩn và Doãn Uẩn làm xong việc quân điền, về Kinh phục mệnh. Vua hỏi Hộ bộ thượng thư Hà duy Phiên rằng số tiền thuế sẽ tăng giảm thế nào, sau khi đã quân điền. Hộ bộ tâu rằng ; « Tỉnh ấy nguyên số công điền 6, 7 nghìn mẫu, tư điền hơn 7 vạn mẫu. Nay lấy một nửa tư điền làm công điền, số công điền bây giờ trên dưới 4 vạn mẫu. Cứ tính đại lược, thuế điền ít đi mà thuế đinh nhiều lên. Đó là tại từ trước đến nay, ở các tỉnh miền Nam, thuế công điền và thuế tư điền bằng nhau, duy thuế quan điền nặng hơn thuế công điền. Nay quan điền chuyển làm công điền, số công điền có tăng, nhưng số thuế lại giảm. Còn như thuế

thân của dân hạt ấy, chỗ nào có công điền thuế nặng hơn chỗ không có. Nay công điền đem quân cấp, thời dân nào cũng có ruộng cả. Vì vậy cho nên thuế quan điền có giảm mà thuế đinh lại tăng » Vua dạy rằng: « Bản ý là chia lợi cho dân, còn thuế tăng hay giảm, không phải là điều nên kể đến. »

Phép quân điền đã thi hành, tuy sử sách không nói rõ, ta cũng có thể biết được rằng đám dân nghèo rất hoan nghênh, vì nay đã có ruộng mà làm, chỉ phải nộp thuế cho nhà nước. Tuy vậy, việc điền thổ ở hương thôn thường hay sinh ra nhiều điều nhũng lạm. Tiếng rằng quân cấp, mà thực không đều. Những chỗ đất màu mỡ dễ làm, bọn cường hào chiếm mất cùng đinh, hạ hộ chỉ được những mảnh đất khô khan. Lại còn phần nhiều, phần ít, gây ra nhiều việc lôi thôi. Dân Bình định, ở trong cảnh ngộ như thế, thường đi kiện lẫn nhau, rồi sau lại làm đơn xin chia lại. Tháng hai năm Thiệu trị thứ nhất. Tổng đốc Bình phú Đặng văn Thiêm làm sớ xin chia đều số ruộng của dân ra làm hai phần, một phần sung công, một phần để làm của tư và xin sửa đổi lại cả địa bạ. Lại xin vua phái hai viên Khoa đạo người nào hiền năng, công chính, vào Bình định để cùng làm việc. Đức hiến Tổ sai hai quan ngự sử là Đặng Quốc Lương và Mai khắc Mẫn đi khám xét. Quốc Lương, Khắc Mẫn đến tỉnh hiểu dụ nhân dân, tùy việc mà sử đoán công bằng. Từ đó, dân không đi kiện nhau nữa. Khi hai quan Ngự sử về triều, vua tỏ lời khen ngợi lắm.

Tuy vậy, dân chỉ yên được lúc bấy giờ. Về sau tranh chiếm, nhũng lạm lại sẩy ra. Tháng giêng năm Tự đức thứ năm, đức Dực Tôn phái Đặng Văn Thiêm, khi ấy làm Hình bộ thượng thư vào Bình định tra án các quan tỉnh đem bác nhau, và kinh lý để xem dân gian lợi bệnh thế nào. Khi về phục mệnh, nhà vua hỏi về công điền, tư điền tại tỉnh Bình định sự thế ra sao. Đặng văn Thiêm tâu rằng:

« Trước kia quân điền, cứ mỗi mười mẫu, năm mẫu đem sung công, năm mẫu để làm của tư. Các công điền mầu mỡ, cường hào chiếm mất, có còn ít nào, lại vào tay hương lý cả. Dân nghèo chỉ còn được toà ruộng xấu. Vì thế cho nên tôi phải đinh lại khu vực cho rõ ràng để làm lợi cho dân »

Tuy rằng dân nghèo được lợi nhiều trong khi thi hành phép quân điền, đức Dực Tôn vẫn tỏ vẻ không bằng lòng phương pháp ấy, vì sung công ruộng nương của người ta là một đều không công bằng. Từ khi chia lại ruộng đến bây giờ đã được hơn 12 năm rồi mà ngài còn có ý muốn đem ruộng giả lại các chủ như cũ. Tháng hai năm ấy, ngài hỏi hộ bộ thượng thư Hà duy Phiên về công điền, tư điền các tỉnh, sự thế ra sao Hà duy Phiên tâu rằng:

« Tại Thừa thiên và Quảng trị, ruộng công nhiều hơn ruộng tư; Ở Quảng bình, số ruộng công, ruộng tư đều nhau Còn các hạt khác, ruộng tư nhiều mà ruộng công ít. Ở Bình định, ruộng công lại càng ít lắm. Vì thế cho nên trước kia Võ xuân Cẩn xin trích năm phần mười ruộng tư làm ruộng công, quân cấp cho lính cho dân, cho họ tư ngưỡn

Vua lại hỏi về thuế lệ. Hà duy Phiên tâu rằng: « Từ Hà tĩnh ra bắc, thuế ruộng công nặng hơn thuế ruộng tư; từ Quảng bình về Nam thuế hai thứ ruộng đều nhau Vua dạy rằng: « Như thế thì chẳng lợi cho nước được bao nhiêu. Lấy ruộng tư làm ruộng công, ở các tỉnh không có thế, chỉ thi hành ở Bình định, không khỏi không công bằng bây giờ muốn đem ruộng giả lại chủ cũ thì thế nào Hà duy Phiên tâu rằng « đã đem cấp cho dân, nay lại lấy lại mà giả sợ dân không lấy gì làm sinh kế » Ngài lại hỏi: « Hay là lấy 6 phần làm ruộng tư, 4 phần làm ruộng công, thì thế nào. Duy Phiên đáp rằng: « Như thế thì tăng giảm chả được bao nhiêu lại thêm nhiều việc phiền phức ».

(Xem tiếp trang

1) Võ xuân Cẩn, người huyện thủy tỉnh Quảng Bình, ra làm quan từ triều Gia Long, làm đến Đô các đại học sĩ. Thái bảo, về trí sĩ. Mấy tháng lư năm Tự đức thứ năm thọ 80 tuổi. Vua sai lập bia ở làng để: « Tử triều nguyên lão » và ban thọ viếng.

HẠNH THỤC CA

(Tiếp theo trang 9)

Than ôi! họa phúc nghĩ bày!
Cũng vì phú quí hại người, thương thay!...
Quyền thần khinh mạn nhường này,
Có lời truyền trước, dám rày cải sau!
Vả cùng phụ-chính với nhau,
Trần-công chẳng thuận đem mưu giết liền!
Làm cho rõ mặt oai quyền,
Hẳn tình hiếp chế không kiêng đã rồi.

Vua Hiệp-hòa cầm quyền chính trong nước mới đặng bốn tháng (từ 30-7-1883 đến 30-11-1883), thì ở cửa Thuận-an đã thấy người Pháp quấy rối. Bấy giờ nước ta không có người ráng sức trổ tài, cho nên tuy thành bền lũy cứng mà phải bỏ chạy. Vả lại không có người tiếp ứng, thì rồi cũng đến chết oan chết uổng mà chẳng ai hay! Mỗi cơn [illegible]-tặc như lửa dậy như khói bay, thì một đoàn tướng sĩ của ta không có đường lui tới. Thương thay cho Lâm-Hoành và Thúc-Nhận, cùng đường nên phải hiến thân, làm cho ai nghe tiếng cũng phải ngậm-ngùi! Trông sa-trường mà thương xót quan quân, tấm lòng vì nước rạng danh muôn đời. Có chỗ niềm-yếu thì đã mất rồi, cũng như nước vỡ thì bờ trôi, mà trôi luôn cả đến cái bè đan ở bến! Bây giờ hỉ ai là người độ, pháo xung xe? Thế là không có người chống-cự với Tây, cho nên ta phải chịu xin hòa! Nào ai là kẻ trượng-phu! mà ấy thường ăn dùng chẳng dạy cho họ đánh bừa, đến lúc thấy cơ nguy-biến thì ngảnh mặt làm tanh, tai nghe giả điếc lúc ấy mới biết là miệng hùm gan sứa! Cho nên đành xếp áo bó tay, chịu ba mươi bảy khoan ở trong hỏa-ngục! Chốn Kinh-đô từ đó tới nay, việc nước thay đổi rối mỗi ngày một suy-đồi. Nhưng mà mừng rằng hãy còn chút may, là được yên ổn để kịp lo sửa-sửa việc minh-lang (tức là cử hành đám ma vua Tự-đức) .. bỗng đâu sinh chuyện tế-bình: bọn quyền-nan nằng nhu-nê, dám nói lộng tại Vua (Hiệp-hòa) đam mê! Lại đổ lỗi cho vua Hiệp-hòa vụng tính, không đề phòng trước, cho đến mất cửa Thuận-an! Rồi nói với các đình-thần rằng: Vua Hiệp-hòa còn đang có khán-chở không được lập ban chầu. Than ôi! chưa đặng bao lâu, sao nào mà lại đổi lòng máu chồng như vậy! Lại nghe lời vu-hoặc đề thái-hậu (mẹ vua Tự-đức) quở-trách những phi-tần ở Khiêm-cung (hoàng-hậu của vua Tự-đức) rằng: « Nghe ai bày đặt ra mưu-kế trừ-khử quyền-thần »: sự cơ không cẩn-thận, hóa ra tai-vạ ngay! Đều là những sự trái-ngược. Không theo lễ nghĩa thì hưởng phúc sao đặng lâu dài? Mà cái mầm tai-vạ cũng lại tự mình gây ra rất là mau chóng: hễ sinh-sự thì sự-sinh, chứ có phải tự trời đâu? Lòng dân bấy giờ đều nôn-nao: con vua mà lại làm vua tôi ai cũng ưng như thế. Thừa cơ-hội ấy, hai gã đại-thần cũng mượn cớ mà nói rằng vì nước, chứ không phải vì thân, đồng lòng tôn lập ấu-quân, bày mưu phế-lập, viết ra sớ-văn để tâu bày. Tính ra vừa bốn tháng mười ngày, mà cất lên đặt xuống, việc này ai ai? Các quan tề-tập cả ở ngoài, hai gã quyền-thần dâng sớ tâu rõ đầu đuôi, « đồ lỗi rằng tại lòng ở chẳng như lời (ám-chỉ việc mưu khử quyền-thần) mà ngồi trên trăm ngỗ xe thì ai chịu theo? Chúng tôi lo rằng nhà-nước sẽ nguy, nên phải lo toan trước. Ngài chịu theo phép nước mà nhường lại ngôi báu thì không ai dám can phạm đến mà đều được yên lành ». « — Nếu được như vầy thì còn nói gì nữa? Xin lại về chức tước cũ là may, và xin cứu lấy mẹ con » Thái hậu nghe lời cũng động lòng xót thương, phán rằng: « Sự ấy đề mặc ta, hễ có ý-chỉ truyền xuống thì ai là chẳng phải theo ». Văn-lăng-công (tức vua Hiệp-hòa) nghe nói, mừng lòng hiến đem bửu-ấn trao trả triều-đình. Thái-hậu bèn xuống ý-chỉ rằng: « Các quan phụ-chính phải tuân theo lời giả, sự này há phải tại người ta, dầu mà có lỗi cũng nên tha mới đành, huống chi y đã chịu phép phục tính, thì rộng dung cho y được toàn tính-mạng trở về. Hai quan phụ-chính vâng lời tâu rằng: « Đã có vòng trực, mời ngày kíp ra ». Cả nhà đều e sợ không dám dần dà, nào là bầu thiếp, nào là dâu con, kéo nhau ra tới dầu thành. Tớ phủ ông Dự-đức, thì họ bắt lính phải vòng vào đấy. Mẹo lừa gạt gẫm thật là khéo thay! đã đề sẵn ghén thuốc độc, bắt phải chết tươi. Than ôi! họa phúc rối bời, cũng vì phú quí làm hại người, đáng thương thay!... Bọn quyền thần thật là khinh-mạn quá chừng, đã có lệnh chỉ truyền như thế, mà họ cũng cứ cải lời! Cả đến Trần công Tiễn-Thành cùng là phụ chính không thuận việc ấy, thì bọn quyền thần cũng lập mưu giết liền! Họ làm cho rõ mặt oai quyền, rõ ràng hiếp-chế, không kiêng nể gì ai! *(Còn nữa)*

Ông-hoè NG-VĂN-TỐ

Một đoạn chuyện về mấy yếu nhân

VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

Số 2

NGÔ-VĂN-TRIỆN

— Nhưng sự đi sang có dễ không ?

Lúc thường thì dễ lắm, đi lối Nam quan sang Quảng tây. Chỉ sợ lúc này có việc bắt bớ chắc là biên giới chúng phải phòng thủ nghiêm ngặt hơn. Tuy nhiên định đi thì thế nào rồi cũng đi được.

— Có lẽ ngay ngày mai, chúng mình cứ đi xe lửa lên Lạng sơn tạm trú ở đấy rồi chờ dịp vượt qua biên giới.

Tôi cũng nghĩ thế.

Hai người cởi áo lên giường nằm. Rồi Kim Phượng nói :

— Bây giờ tôi mới nói thật với anh : Từ lúc cùng anh Doãn ra đi, ra đến đầu làng, dưới bóng đêm mịt mù, tôi có cảm tưởng là các anh định đem tôi đi để giết, cảm tưởng ấy đến với tôi lần thứ nhất là lúc tôi với anh Doãn đi qua cạnh cái văn chỉ um tùm ở đầu làng tôi, tôi tưởng hình như sẽ có những viên đạn từ trong bụi rậm bay ra để kết liễu tính mệnh của mình. Rồi từ đấy đi, bất cứ ở một quãng đường quạnh vắng nào, tôi đều có cái ngơm ngớp ấy. Nhưng suốt dọc đường tôi đã được yên ổn, tôi lại nghĩ có lẽ việc ấy, sẽ sẩy ra khi đã gặp anh. Lúc anh Doãn xuống xe trước, đứng nói chuyện nhỏ với anh, tôi nghĩ trong bụng, hẳn là họ bàn việc ấy đây, tôi bèn đi ra một chỗ xa đứng chờ, có ý để các anh được tự do bàn tính việc hạ độc thủ. Té ra sự tôi phỏng đoán đều sai hết.

Học vỗ vào vai Kim Phượng cười khúc khích :

— Khỉ ! sao lại nghĩ vớ vẩn thế ? Cớ gì chúng tôi lại giết anh ?

— Giết cũng có lẽ chứ. Vì nhà tôi có những tang vật, họa nhỡ chúng đánh đau quá mà tôi phải đại đột khai ra.

— Ừ cũng có lý. Thế anh không sợ chết hay sao mà đã có nghĩ thế lại cản dám theo Doãn ?

— Chết kể thì ai cũng sợ, nhưng cũng có khi không sợ được. Như tôi lúc này, tôi sợ sự tra tấn của bọn giặc Pháp hơn là sợ cái chết, hơn nữa, sợ sự không kiên gan của mình rồi khai bậy làm hại anh em.

— Thôi đ ợ , thế thì anh cứ việc sang Tàu là xong. Ma tôi đưa anh đi

— Thế an có đi không ?

— Không, tôi phải ở lại để làm việc đảng chứ. Vả lại h ện g ờ, chúng nó có lệnh bắt bớ gì tôi đâu mà tôi p ải đi !

Hai n ười nói chuyện mãi đến khuya mới bắt đầu chợp ngủ. Nhưng chỉ chốc lát thì ở buồng bên cạnh, có cuộc bù khú của bộ ba giai gái làm huyên náo quá, khiến không thể nào ngủ được. Bộ ba ấy là hai chàng con trai với một con bợm, chúng xem nhau lại mà cười hương cợt phấn gheo nguyệt trêu hoa. Mãi đến chừng 2,3 giờ sáng, ... quy kia không làm huyên náo nữa, thì buồng bên này, Thái Học và Kim Phượng mới ngủ đi được.

***

Sáng hôm sau, Kim-Phượng dậy sớm, đánh thức Thái-Học. Học dậy rửa mặt mũ, mặc quần áo, dặn Kim-Phượng ở buồng để mình đi đằng này một lúc. Chừng độ một giờ trở về Học bảo với Phượng rằng :

— Xem tình hình lúc này chưa thể đi được, vì ở biên giới, nó phòng bị nghiêm lắm. Tôi định hãy tìm một chỗ nào để anh tạm trú đợi đến lúc có thể đi được chắc chắn, bấy giờ hãy đi.

Kim-Phượng ngần ngừ :

— Thế thì hãy cứ lên Lạng có được không ?

— Không được, lên Lạng bây giờ tức là đâm vào lưới.

Học bảo chủ quán dọn cơm hai anh em ăn, ăn xong t ả tiền lữ quán rồi cùng nhau đi bộ l n ga Yên-viên, vì không muốn đi xe lửa ở ga Gia-lâm là chỗ dễ lọt vào ta

mắt của bọn mật thám. Trong khi đi bộ, Phượng hỏi Học định đưa mình đi đâu; Học phân vân, bảo bảo cứ đi rồi sẽ liệu dần.

Đến ga Yên-viên, Học quyết định lấy vé lên ga Bạch-hạc. Buổi chiều đến Bạch-hạc, hai người cùng vào nhà một bạn đồng-chí là lý-trưởng Tốn (1) người làng Diệm xuân. Ngủ ở đấy một đêm, sáng hôm sau ra bến sông Tiêu-Đáy, qua thuyền đi sang sông Lô, ngược lên bến Bạch-lưu.

Trời hôm nay u ám cả ngày, mây ầm đồng không, khiến cho khách lênh đênh không nhà, bỗng dễ xuống, lòng một nỗi buồn nặng trĩu. Hai người cùng ngồi đối ở giữa khoang thuyền, bàn nói về việc đảng việc nước và đều lo buồn cho số phận của các anh em đồng chí, hiện bị bắt giam trong ngục-tối Hỏa-lò. Trời về chiều, hai người cùng ra đứng đầu thuyền, ngắm nước trông mây, thuyền càng đi lên, càng thấy như đi xuyên sâu vào một cảnh-địa núi rừng lam chướng vì những dải núi xanh u ám, đứng sừng sững lên ở trước mắt. Học bảo Phượng:

— Cảnh này tình này mà sao anh không làm lấy một bài thơ? Giá có anh Tiềm cùng đi đây, anh ấy đã có thơ ngay rồi.

Phượng nói:

— Anh cũng thích thơ à? vậy ta hãy làm một bài chơi.

Sau một lúc, Phượng đọc cho một bài luật thi, Học lấy bút chì viết lấy và cũng khen có nhiều câu được. Bài thơ rằng:

Dòng nước xanh xanh ngắt một màu,
Con thuyền trôi nổi, khách về đâu?
Non sông bốn mặt âm thầm tối,
Hoa cỏ ba xuân ảm đạm sầu.
Lận đận gan chưa dời chất đá,
Dãi dầu mặt đã nhuộm da nâu.
Thế gian lắm sự bất bình nhỉ,
Muốn đạp trời kia xuống vực sâu.

Có lúc Phượng hỏi về chuyện gia đình. Học kể mình đã có vợ ở nhà quê, nhưng lại đã tuyên bố ly dị với người ấy vì người ấy cùng mình tính tình không hợp. Học lại nói:

— Bây giờ theo đuổi việc đảng, tôi không muốn vướng cái lụy gia đình nữa. Nhưng giả có ngày cần lấy vợ thì tôi sẽ lấy cô Xuyến.

Phượng hỏi:

— Cô Xuyến nào?

— Cô Xuyến ở Hà-nội, người tuy không đẹp mấy nhưng dễ yêu lắm.

Học có nói nhà Xuyến ở phố Phúc-kiến hay ở phố Hàng Áo gì đó nhưng ký-giả nhãng quên đi mất. Bấy giờ trong lòng Học chưa có cô Giang, vì sau mấy tháng nữa, hai người mới vì việc đảng mà luôn luôn giao thiệp rồi bắt đầu nẩy một mối tình yêu, cũng như mối tình ở giữa hai nhà cách mệnh Trung-quốc là Uông-tinh-Vệ cùng Trần-Bích Quân vậy. Trong quyển « Nguyễn-Thái-Học » của Nhượng-Tống, ở trang 73, có nói « Học với Xuyến chỉ là một người », vậy trong khi bôn tẩu việc đảng, muốn tránh tai mắt bọn chó săn chim mồi Học có lúc mang cái tên giả là Xuyến, có lẽ chính để kỷ niệm mối tình cũ ở trong lòng Học.

***

Trời vừa tối, con thuyền đỗ lại ở cái bến thuộc làng Bạch-lưu, hai người lên bến rồi đi quá một cái chợ nhỏ, lần theo lối xóm mà vào nhà giáo Giản. Giáo Giản là người mà đến năm sau, đảng giao cho việc chỉ huy đánh miền Kiến-an và Hải-phòng, rồi khi thất bại chạy trốn sang Vân-nam. Bọn Pháp truy tầm rất gắt mà không được. Bấy giờ Giản làm giáo-học trường công, dạy ở trường làng Bạch-lưu thuộc huyện Lập-thạch tỉnh Vĩnh-yên. Làng này đã bắt đầu có rừng, những quả đồi lốm ngốm quanh làng, mọc lên những cây cối um tùm rậm rạp. Rồi từ đấy càng đi ngược lên, tức là càng đi sâu vào khu rừng núi ở châu Sơn-Dương tỉnh Tuyên-quang. Ở nhà giáo Giản một đêm, sáng hôm sau, ngày 21 tháng 2 (12 tháng giêng Kỷ tỵ), Học rủ cả Giản cùng đi, đưa Kim-Phượng lên làng Lương-phao, định gửi ở đấy. Lương-phao là một cái làng ở giữa rừng sâu, thuộc về châu Sơn Dương. Tại đấy có ông cụ Tổng, cũng người làng Thổ tang, quê của Thái-Học, mà hình như cũng có họ hàng gì với Học nữa. Thiên cư lên đã mấy mươi năm, cấy cấy chăn nuôi, trở nên giàu có, nhưng không phải là người trong đảng. Đến nơi, ông cụ tiếp đãi ân cần lắm, sai người nhà làm cơm. Bọn Học muốn đi bắn, ông cụ đưa cho một cây súng hỏa-mai. Mỗi lần bắn, lại phải quay ngửa miệng súng để nhồi thuốc và ấn giấy vào. Ba người đi vào rừng, đến một lạch suối. Học và Giản vì chân đều đi giầy tây lội

qua lại nhiều phải tháo giầy. Lên bảo Phượng trụt giầy ta để hai người xá-h rồi cõng hai người sang suối. Qua suối ấy đến một thung lũng có nhều chim lắm, song giở thuốc súng ra thì thuốc ẩm ướt, không bắn được. Bèn rủ nhau đi chơi len lỏi, cếu mộ chỗ, trong khoảng cây cối um tùm Học bảo có mùi gì giống như mùi cọp, ba người vội dắt nhau rảo bước quay ra.

Về nhà ông Tổng ăn bữa cơm rừng xong, Học đòi ý nghĩ, lạ rủ cả Giáo Phượng cùng về. Ra đến ngoài đường, Học nói:

— Để anh Phượng ở trong này không tiện vì sâu thẳm quá, tin tức khó không, chẳng bằng cứ về ở tại nhà anh Giản là xong. Có được không anh Giản?

Giản nói:

— Ở tạm ít ngày thì cũng được có điều ở lâu thì sợ rằng chỗ tôi cũng kín trống trải.

Học nói:

— Phải cũng chỉ ở tạm thôi mà, rồi tôi phải liệu cho anh ấy đi Tàu.

Về phần Phượng thì nghĩ giá phải ở lại Lương-phạo thật cũng là khổ cực, vì đấy ở sâu trong rừng thẳm, ra đến cửa rừng phải đi quanh co đến chừng 5 cây số, là một nơi cách tuyệt nhân-hoàn. Nhưng cái nơi cách tuyệt nhân-hoàn ấy lại chẳng phải là cảnh tiên thanh sạch mà là một cảnh tục nhớp nhơ. Cái sơn-thôn này người ta nuôi rất nhều trâu bò, mỗi nhà nuôi đến hàng chục con trở lên, vì thế khắp đường lối trong xóm, tràn ngập những phân của loài này, chỗ sâu đến cổ chân, chỗ nông cũng phải đến mắt cá. Vì bầu thủy như thế cho nên lắm ruồi lắm muỗi và mùi hôi hám đưa lên rất khó chịu. Phượng nghĩ bụng không biết mình tội nặng đến đâu mà phải đầy vào cảnh giới này. Lúc được Học rủ cùng về Phượng có cảm tưởng như một người trọng tù được tha ân xá.

Về đến nhà Giản vào lúc gần tối thì thấy Xứ Nhu cũng vừa mới lên đây lúc chiều. Xứ Nhu đi việc đảng ở vùng Vĩ h vệ, nghe tin Thái Học lên đây, bèn cũng lên theo để gặp mà bàn tính việc đảng.

Ngày hôm sau, Giáo giản dẫn mọi người đi săn bắn, bốn người theo với hai cây súng, ra các khu đồi ở quanh làng Sơng các khu đồi này, chẳng có giống chim muông gì mà bắn cho bõ công, muông thì tuyệt nhiên không có mà chim thì toàn là những giống chim nhỏ, không đáng bạ sát. Anh em không gặp được cái gì để bắn, bèn bàn nhau khai súng bắn vào một cây cọ giữa rừng. Bắn xong lại cùng nhau đi chơi phố n mãi mới về. Trong khi về, Thái-Học lại bảo mọi người làm thơ chơi, tay không quên làm nhưng ông tỏ ra một người yêu thơ lắm. Trong bọn có hai người ứng mệnh, Xứ Nhu làm một bài 8 câu, Kim Phượng làm một bài 4 câu.

Bài của Xứ Nhu ký giả không nhớ được toàn, chỉ nhớ hai câu ngũ luận sau này:

Vẫn định ra tay săn cọp sốt,
Phải rằng để ý bắt hươu nai.

Bài của Kim Phượng:

Lận đận đường rừng vác súng đi,
Chim muông săn chẳng được con gì.
Mình săn có kẻ săn mình nữa,
Lưới bẫy chăng đầy cả tứ vi.

Hôm ấy về nhà giáo Giản, tiếp được tin báo là Thái-Học và Xứ Nhu đều đã bị bọn giặc Pháp ra lệnh tầm-nã rồi, cuộc bắt bớ chúng càng mở rộng mãi ra, các anh em đồng chí đã nhều người sa mắc vào lưới. Tin ấy làm cho mọi người đều bàn khoăn nghĩ ngợi về cái tương lai của đảng; sáng hôm sau, tiếng bờ sông Lô ở một cuộc chia tay vội vã, nét mặt hai nhà lãnh tụ, đều độn mộ vẻ buồn sầu xa của những người lo tí h v ệ đời.

NGÔ-VĂN-TRIỆN

Nhân dịp hai tỉnh Hà nội và Hải-phòng ở Bắc bộ được thu hồi thật là việc đáng ghi trọng lịch sử Việt-nam chúng tôi đang sửa soạn ấn hành hai số đặc san:

Hà nội cũ ..... Hà nội mới

Hải phòng cũ ..... Hải phòng mới

Vậy các văn hữu cùng quí độc giả có tài liệu và ý kiến gì xin gửi cho tòa báo để tiện việc sửa soạn bài vở.

T. T.

1) Sau việc khởi nghĩa năm Canh ngọ (1903), lý Tiên phát bắt rồi bị khảo đánh chết ở ngục Vĩnh-yên.

PHÉP QUÂN ĐIỀN

(Tiếp theo trang 15)

Vua vẫn muốn sửa đổi lại chế độ ấy nên ngài sai bộ hộ và bộ binh bội nghị làm thế nào cho bình dân đều được lợi cả. Hà duy Phiên và Nguyễn đăng Giai đều xin cứ để như cũ. Ngài bèn nghe theo đề nghị ấy. Từ bấy đến nay, không thấy có [illegible] nữa.

Ta thấy rằng muốn cho dân nghèo có đất cày cấy mà sinh nhai, cho sự giàu nghèo khỏi chênh lệch quá đức Minh mệnh đã cho thi hành một phương pháp độc đoán với các chủ ruộng, phương pháp phạm đến quyền sở hữu của các người ấy. Tuy năm Minh mệnh thứ tám đã có bỉ dụ bồi thường cho những chủ ruộng, đất, khu ruộng bị tịch thu để làm những việc công ích.

Dụ ấy chỉ thi hành khi lấy đất làm đường xá, đê điều mà thôi. Trong lúc quân điền này, các chủ ruộng không được chút gì bồi thường cả. Dân nghèo thời được lợi thế, họ có ruộng cấy, ngoài thuế ruộng nộp cho nhà nước, họ không phải mất tiền thuê hay chia hoa lợi với chủ ruộng. Nhưng có một điều không công bằng cho lắm là chế độ này chỉ thực hiện ở một tỉnh Bình định mà thôi, còn không thấy ở các tỉnh khác.

Ta lại nên nhớ rằng phương pháp quân điền này xuất hiện được nhất ở nước ta từ năm [illegible], còn ở Âu châu, những phương pháp giống thế mới được áp dụng chưa đầy ba mươi năm nay.

Tinh-phong NGUYỄN TOẠI

Nước nhà đã được giải-phóng

Quốc-dân nên dùng lịch giải-phóng

LỊCH VIỆT-NAM

năm Bính-tuất (1946-47)

LONG-ĐIỀN *biên tập*

— Lịch Việt-nam lấy ngày ta làm chủ, có phụ thêm ngày dương lịch.

— Lịch Việt-nam có in các ngày lịch-sử.

— Lần này có 13 tháng từ 28-11 Ất-dậu (1-1-46) đến 30-12 Bính-tuất (21-1-47).

Giá mỗi tập... 12$00

— Các nhà thương-mại, kỹ-nghệ muốn đặt nhiều, có in tên hiệu, xin mời lại 95 phố Chanceaulme Hà-nội thương-lượng.

— Lịch in có hạn, xin mau mau đặt trước.

TY XUẤT-BẢN TRI-TÂN
kính-cáo

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý Vũ-Văn-Hiền Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi